

MỘT SỐ ĐỀ TÀI NỔI BẬT CỦA VĂN XUÔI TỰ SỰ VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1945

Hồ Thị Thanh Thủy¹

TÓM TẮT

Đầu thế kỷ XX, văn học Việt Nam bước vào chặng đường hiện đại hóa với nhịp độ mau lẹ. Điều đó đã thôi thúc nhiều cây bút phải chọn lựa đề tài để phản ánh được đời sống thực tại của xã hội đang trên đà Âu hóa. Qua thực tiễn văn xuôi tự sự Việt Nam trước 1945, chúng tôi nhận thấy đề tài xung đột gia đình, những thảm cảnh ở nông thôn, đời sống sinh hoạt chốn thị thành là những đề tài được nhiều nhà văn đặc biệt quan tâm thể hiện. Điều này phản ánh tình thế phát triển có tính chất đặc thù của văn học nước nhà nói chung và văn xuôi tự sự nói riêng: phải tạo ra một sự kế thừa, tiếp thu, cải biến tích cực để hiện đại hóa trên mọi phương diện của sáng tác văn học.

Từ khóa: Văn xuôi tự sự, đề tài nổi bật, xung đột gia đình, những thảm cảnh ở nông thôn, đời sống sinh hoạt chốn thị thành

1. Đặt vấn đề

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm (thuật ngữ) *văn xuôi tự sự* trong sự phân biệt có tính tương đối với *văn xuôi trữ tình*. Gọi là tương đối bởi đường biên giữa chúng không phải lúc nào cũng rõ rệt. Khi dùng khái niệm văn xuôi tự sự, dĩ nhiên người nghiên cứu luôn có ý thức phân biệt nó với các loại sản phẩm ngôn từ khác cũng dùng hình thức văn xuôi nhưng không nhằm mục đích thẩm mỹ, không dùng hình thức hư cấu như văn xuôi nghị luận và các loại văn bản nằm ngoài phạm vi nghệ thuật ngôn từ. Văn xuôi tự sự chú trọng miêu tả con người và môi trường xã hội, miêu tả cử chỉ, hành động, ngôn ngữ nhân vật. Văn xuôi tự sự thuộc loại hình tự sự, có chức năng tái hiện “tính khách quan” của thế giới, luôn có nhân vật, sự kiện, hành động, xung đột. Thuộc về văn xuôi tự sự có các thể loại như truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết. Tuy thuộc loại hình tự sự nhưng trong văn xuôi tự sự vẫn có thể có (thậm chí có nhiều) yếu tố trữ tình,

nhưng những yếu tố này không phá vỡ bản chất loại tự sự của văn xuôi tự sự. Việc xuất hiện nhiều hay ít của yếu tố trữ tình hoàn toàn phụ thuộc vào phong cách cá nhân của tác giả, vào mục đích sáng tác và thể loại cụ thể được chọn lựa. Tất nhiên, có những thể loại có thể đứng ở đường biên của tự sự và trữ tình như bút ký, tản văn, chân dung văn học...

Qua khảo sát, chúng tôi thấy những đề tài như: xung đột gia đình, những thảm cảnh ở nông thôn, đời sống sinh hoạt chốn thị thành là những vấn đề được nhiều nhà văn trước Cách mạng tháng Tám đặc biệt quan tâm, đây cũng là những đề tài nổi bật của văn xuôi tự sự Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945.

2. Nội dung

2.1. Đề tài xung đột gia đình

Gia đình không phải là một đề tài mới trong văn học nói chung, văn học Việt Nam nói riêng. Ngay từ thời trung đại, cả trong thơ và trong văn xuôi, những quan hệ gia đình đã được thể hiện khá sâu sắc. Theo đó, các vấn đề

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: thuyhodhdn@gmail.com

xã hội cũng được soi tỏ dưới một góc nhìn độc đáo. Thông thường, những biến động xã hội luôn để lại dấu ấn sâu sắc ở tế bào của nó là gia đình. Không có gì khó hiểu khi đề tài gia đình tiếp tục được khơi sâu trong sáng tác của nhiều nhà văn giai đoạn trước 1945. Khi khai thác những xung đột trong gia đình, các nhà văn có cơ hội thấy được tương quan lực lượng giữa những nỗ lực bảo vệ, giữ gìn luân lý truyền thống và những khát vọng đổi khác, vốn được khơi lên nhờ sự kích thích của tư tưởng tự do tư sản đề cao cái tôi cá nhân. Trước đây, trong sự bảo bọc của chế độ phong kiến gia trưởng, gia đình có một cấu trúc vững chắc tưởng khó có cái gì làm rạn nứt được thì nay, dưới tác động của sự phát triển xã hội do giao lưu kinh tế, cấu trúc đó trở nên mong manh, dễ vỡ. Chính điều này càng làm cho gia đình trở thành một đề tài nhạy cảm mang tính thời đại.

Ở sáng tác của Hồ Biểu Chánh, xung đột gia đình hiện ra lăm vè, khi thì gắn với việc cưỡng ép hôn nhân (*Tiền bạc bạc tiền*), khi thì gắn với những toan tính, vụ lợi (*Thầy thông ngôn*)... *Cay đắng mùi đời* là tác phẩm vạch rõ mưu mô bất trộm con cùng sự đấu đá giữa các bà vợ trong một gia đình sống theo chế độ đa thê. *Nợ đời* là câu chuyện tráo con gái do mình sinh ra và trộm con trai người khác thay thế nhằm có được vị trí cao trong gia đình nhà chồng của người vợ lẽ... *Cha con nghĩa nặng* phản ánh bi kịch tan vỡ một gia đình nông dân Nam Bộ mà nguyên nhân đầu tiên là sự ngoại tình của người vợ.

Qua vấn đề gia đình, Hồ Biểu Chánh muốn khẳng định đạo lý nhà nho cũng như những truyền thống ứng xử

tốt đẹp của người nông dân Nam Bộ. Chữ hiếu là một trong những giá trị đạo đức tốt đẹp cần phải gìn giữ. Truyện của Hồ Biểu Chánh thường đề cập đến chữ hiếu với nhiều biểu hiện phong phú. Theo quan niệm của nhà văn, những kẻ xấu xa, tàn ác sẽ bị trừng trị, còn những người hiếu nghĩa sẽ được đền bù. Chẳng hạn, nhân vật Thị Lựu (*Cha con nghĩa nặng*) có thói lãng loàn, gian xảo, ngoại tình thì phải trả giá bằng cái chết. Còn Trần Văn Sửu là người thật thà, chăm chỉ, hiền lành, sau mười năm lẩn trốn cuối cùng cũng được sống sum họp với gia đình.

Khác với Hồ Biểu Chánh, tác phẩm của các tác giả Tự lực văn đoàn lại khai thác xung đột gay gắt giữa ý thức cá nhân đang trỗi dậy và khuôn phép đạo đức gia đình Nho giáo truyền thống. Tiểu thuyết *Nửa chừng xuân* (Khái Hưng) phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt giữa Mai - một cô gái tân thời và bà Án - bà mẹ chồng cổ hủ, trọng lễ giáo phong kiến. Kết thúc tác phẩm, Mai chấp nhận cuộc sống “nửa chừng xuân”, quyết không đầu hàng bà Án. *Đoạn tuyệt* (Nhật Linh) tiếp tục thể hiện cuộc đấu tranh này với một mức độ quyết liệt hơn. Thoát vụ án giết chồng, Loan quyết chọn cuộc sống tự lập, đoạn tuyệt với đại gia đình phong kiến để tự định đoạt hạnh phúc của mình. Các nhà văn Tự lực văn đoàn đã đứng về phía cái mới, cái tích cực để bảo vệ cho quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc riêng của những người phụ nữ, vốn là những nạn nhân bất hạnh nhất do sự kỳ thị, phân biệt của đạo lý Nho gia.

Rõ ràng, xung đột gia đình là một trong những đề tài ưu tiên của các nhà văn Tự lực văn đoàn. Khi đề cập vấn đề

này, các nhà văn không chỉ phơi bày thực trạng bi hài về mô hình gia đình truyền thống mang màu sắc Nho giáo đã từng được coi là chuẩn mực một thời mà còn có tham vọng phác thảo những tiêu chí, khuôn mẫu của kiểu gia đình mới văn minh, tiến bộ hơn. Qua những sáng tác đó, người đọc nhận ra vô vàn kiểu xung đột trong các đại gia đình phong kiến: xung đột mẹ chồng, nàng dâu do quan niệm lễ giáo cứng nhắc (*Nửa chừng xuân, Đoạn tuyệt, Đôi bạn*); xung đột trong gia đình đa thê với các mối quan hệ con ông, con tôi và những thù oán, tranh quyền đoạt lợi (*Gia đình, Thừa tự*); xung đột trong gia đình do một thành viên chạy theo lối sống ích kỷ, phản bội (*Gánh hàng hoa*)... Các cây bút tiểu thuyết Tự lực văn đoàn qua những xung đột này muốn ủng hộ cái tôi cá nhân mang màu sắc tư sản đang trên đường đi tìm những giá trị mới. Đề cao bênh vực những người phụ nữ, Tự lực văn đoàn dường như đã mở ra tiếng nói nữ quyền trong tiểu thuyết - vấn đề sẽ trở nên quyết liệt, mạnh mẽ, đầy ý thức trong văn xuôi nói chung, tiểu thuyết Việt Nam nói riêng sau năm 1986.

Dòng truyện ngắn trữ tình với các đại diện tiêu biểu là Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh cũng rất chú ý tới nguy cơ đổ vỡ của gia đình Việt Nam truyền thống. Nguyên nhân của đổ vỡ có nhiều, có nguyên nhân vật chất như sự đói cơm, rách áo, cuộc sống túng quẫn và có cả những nguyên nhân tinh thần: tàn dư của xã hội cũ, sự ích kỷ, thói cơ hội, chạy theo lạc thú. Dung trong *Hai lần chết* (Thạch Lam) sống trong gia đình như như một đứa con dâu gạt nợ, bị bắt làm đủ việc, bị mẹ chồng hành hạ. Cô tự tử nhưng không chết. Cô quay

về nhà chồng với tâm trạng chán chường, coi như mình đã chết lần thứ hai, “chết trên cạn”, chết ngay trong gia đình chồng. Còn Liên (*Một đời người*) buộc phải sống bên người chồng không có tình yêu, nhưng cô phải chấp nhận vì nghĩ đến hạnh phúc của đứa con.

Đại gia đình trong tập truyện *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh tuy một thời vang bóng nhưng hiện tại đang tan vỡ từng mảng. Các thành viên đang chịu nhiều bất hạnh, buộc phải chấp nhận cuộc sống bết tắc, đói nghèo, cùng với ám ảnh của sự ly hương, sống nhờ, gửi phận trên xứ người. *Chân trời cũ* có nỗi vất vả của đời sống mưu sinh cơ cực, có nỗi cay đắng của gia đình khi thất thế, sa sút, có nỗi tủi hờn của những số phận thiệt thòi, bết tắc.

Trung tâm chú ý của các nhà văn hiện thực phê phán là những vấn đề mang tính nhân sinh, trước hết là vấn đề cơm áo, vấn đề áp bức, bóc lột, vấn đề giàu nghèo. Tuy nhiên, trong tác phẩm của họ, vấn đề gia đình cũng hiện lên thật ám ảnh. Có thể kể đến hai cuốn tiểu thuyết đều mang tính tự truyện: *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng và *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tư. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng là bi kịch của một gia đình bất hạnh. Cha mẹ cậu bé Hồng lầy nhau do sắp xếp của hai gia đình. Giữa họ, trước và sau khi kết hôn miễn cưỡng, không hề có tình yêu. Đứa con - bé Hồng - chỉ là “kết quả” của một mối tình bất hạnh, một ý định thực hiện cho được mục đích “nối dõi tông đường” mà dòng họ yêu cầu. Không hạnh phúc và không lối thoát, người đàn ông mau chóng trở thành một kẻ nghiện rượu, “bán linh hồn cho nàng tiên nâu”, cuối cùng chết trong buồn thảm, bệnh tật.

Người mẹ trẻ đang tràn đầy sinh lực phải bỏ nhà ra đi kiếm sống, bỏ lại đứa con khao khát tình mẹ. Sau đó, chị có một người đàn ông khác và phải cố gắng chịu đựng bao lời cay nghiệt từ phía nhà chồng. Còn bé Hồng là một đứa bé thông minh, lanh lợi, tâm hồn trong sáng và nhạy cảm. Nhưng lớn lên trong một gia đình bất hạnh, thường xuyên bị sỉ nhục, cậu bé vừa phải bươn chải kiếm sống bằng việc “đánh đáo ăn tiền”, vừa âm thầm chống trả lại những bất công mà em đang phải chịu đựng. *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng là lời tố cáo nghiêm khắc xã hội đen tối đã làm băng hoại những giá trị tinh thần cao quý, đồng thời là tiếng nói đề cao những giá trị gia đình, trong đó có tình mẫu tử thiêng liêng.

Sống nhờ (Mạnh Phú Tư) kể về tuổi thơ đầm nước mắt của một cậu bé tên Dần, mồ côi cha từ trong bụng mẹ, lên sáu tuổi thì mẹ đi lấy chồng, cũng chỉ được vài năm thì mẹ mất. Cậu bé phải nay ở nhà này, mai ở nhà kia trong kiếp “sống nhờ”. Cậu như một người thừa, sống trong mặc cảm bị bỏ rơi. Cuộc sống vừa đói cơm, rách áo, vừa nặng nề về tinh thần. Nhưng cũng còn chút may mắn khi cậu vẫn nhận được tình thương từ người bà, người ông, người cụ. *Sống nhờ*, cùng với *Những ngày thơ ấu*, bên cạnh việc phê phán xã hội, đã mạnh mẽ nói tiếng nói bảo vệ cho quyền trẻ em được sống êm ấm, hạnh phúc trong gia đình, bên những người thân yêu.

Người đọc cũng bắt gặp những ký ức về gia đình của Lưu Trọng Lư với những hồi tưởng về cha mẹ, người thân được ông sử dụng làm chất liệu hư cấu trong văn xuôi. Tiểu thuyết *Bến cũ* là câu chuyện về gia đình

trong hoài niệm với việc cha từ quan về vườn, mẹ trước mắt, để lại bầy con thơ. Tiểu thuyết *Dòng họ* “được coi như một cuốn tiểu luận chiêm hồi ức về gia đình và quê hương tác giả” [1, tr. 1081]. Với ngôn từ mượt mà, đầy chất thơ, tác giả tái hiện một quãng đời nhiều vui buồn trong một gia đình nhà nho phong kiến. Chính nhà văn tự nhận mình là người chép sử: “Người chép sử - vì tôi cũng có quyền xem mình như một nhà chép sử” [1, tr. 1107]. *Chiếc cày xanh* cũng là câu chuyện dựa vào ký ức tuổi thơ nhà văn. Dường như ông đã tách ra khỏi đời sống xung quanh để tự bộc lộ, để sống với những kỷ niệm về quê ngoại, về người mẹ tảo tần một đời vì chồng vì con. Cuốn tiểu thuyết chứa đựng nhiều yếu tố tự truyện với những dữ liệu về bản thân, tuổi thơ, gia đình tác giả. Văn xuôi tự sự Lưu Trọng Lư trước 1945 đề cập đến đề tài gia đình, tuy nhiên ông không khai thác sâu các xung đột trong gia đình truyền thống hay sự đổ vỡ gia đình như các nhà văn cùng thời. Ông chủ yếu sử dụng những ký ức, hoài niệm về gia đình, dòng họ, quê hương làm chất liệu sáng tác. Những hoài niệm đượm buồn, nhưng cũng rất đẹp về người mẹ, về dòng tộc, về quê hương thân yêu của mình.

2.2. Những thảm cảnh ở nông thôn

Cho đến tận nửa đầu thế kỷ XX, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, với dân số hơn 90% là nông dân. Hoàn toàn là điều tự nhiên khi nông dân trở thành một đối tượng được quan tâm hàng đầu của văn học. Khi nói đến đối tượng này, cuộc sống bi đát của họ trước chính sách khai thác thuộc địa của thực dân là điều được chú ý đặc biệt. Văn học Việt Nam vốn có truyền thống cảm

thương, bởi vậy, những thảm cảnh ở nông thôn luôn làm các nhà văn ưu tư, thổn thức. Thêm nữa, do chịu ảnh hưởng của những tác phẩm hiện thực phê phán phương Tây, việc đào sâu vào nỗi khốn cùng của những người lao động dưới đáy càng trở thành một nỗi thôi thúc đối với các cây bút có thiên hướng tả chân xã hội.

Viết về thảm cảnh nông thôn trước hết phải kể đến Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao. Phóng sự *Việc làng* của Ngô Tất Tố cho thấy những hủ tục lạc hậu, thói hiếu danh ở hương thôn đã gây nên nhiều thảm họa cho người nông dân. Chẳng hạn, người vợ sau khi tổ chức bữa tiệc khao chức Lý cự cho chồng đã phải bỏ làng đi làm vú nuôi. Có người bị làng "ngả vạ" nên uất ức phải thắt cổ tự tử. Có kẻ vì để lo một cỗ oản tuần sóc đã phải dỡ nhà bán lấy củi. Tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố là bức tranh đen tối về xã hội nông thôn và số phận bi thảm của người nông dân. Chị Dậu - nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết này bị dồn đẩy đến đường cùng, phải bán cả con, cả ổ chó mới để chỉ vì thiếu một suất sưu người chết. Dịp sưu thuế là cơ hội vàng cho bọn hào lý, bọn địa chủ tha hồ bòn rút, tước đoạt đến đồng xu cuối cùng của người nông dân. Có thể nói *Tắt đèn* là "bản dự thảo dân nguyện" của người nông dân thuộc địa (cách nói của Phan Cự Đệ) thấm đẫm nước mắt và lòng xót thương của tác giả.

Nông thôn qua các truyện ngắn của Nam Cao không phải là không có những cảnh thơ mộng, đẹp đẽ: dòng sông xanh, những vườn chuối, vườn trầu tươi tốt, cảnh những đêm trăng... Nhưng những cảnh ấy không nhiều.

Không khí chung bao trùm lên toàn bộ nông thôn trong tác phẩm Nam Cao là một không khí xơ xác, nghèo đói, hoang vắng đến rợn người. Cái hoang vắng phủ lên trên mọi mái nhà lúp xúp, trên những vườn chuối, vườn trầu xác xơ sau bão. Đường làng ngõ xóm vắng vẻ, mọi sinh hoạt thu gọn vào trong các mái nhà. Thịnh thoảng có ồn ào lại là những vụ rạch mặt ăn vạ, đâm chém, la làng của những kẻ du côn như Chí Phèo. Khung cảnh trên trong tác phẩm Nam Cao phản ánh chính xác bức tranh nông thôn Việt Nam trong những ngày khủng hoảng cuối cùng của chế độ thuộc địa.

Các gia đình nông dân trong các truyện Nam Cao thường ít khi trọn vẹn. Có rất nhiều cái chết, thường là chết đói. Nhiều người phải bỏ làng tha phương cầu thực. Thêm vào đó là các tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu chè, bạo hành phụ nữ (*Thôi đi về, Trẻ con không được ăn thịt chó, Ở hiền*)...

Nhân vật nông dân của Nam Cao dường như bị đẩy về hai cực: hoặc hiền lành nhu nhược đến mức tê liệt về tinh thần (Dì Hảo trong *Dì Hảo*, Nhu trong *Ở hiền*); hoặc sa ngã, tha hóa (Cu Lộ trong *Tư cách mõ*, Binh Chức, Năm Thọ, Chí Phèo trong *Chí Phèo*, Trương Rự trong *Nửa đêm*). Đặc biệt, Nam Cao đã xây dựng rất thành công một hình tượng nông dân tha hóa: Chí Phèo. Chí Phèo không chỉ là biểu hiện tận cùng nỗi khổ của người nông dân, Chí còn là biểu tượng cho những con người bị tước đoạt quyền làm người, phải bán mình cho quỷ dữ. Tuy nhiên, điều đáng quý là Nam Cao luôn nhận ra trong đáy sâu tâm hồn Chí phèo vẫn ẩn dấu niềm khát khao lương thiện. Điều đó chứng tỏ bản lĩnh vững vàng và chủ nghĩa nhân đạo

vững chắc của ngôi bút Nam Cao.

Số phận nông dân và bức tranh nông thôn cũng được phản ánh trong *Bước đường cùng* (Nguyễn Công Hoan), *Giông tố, Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng. Anh Pha (*Bước đường cùng*) bị địa chủ xúi bẩy sa vào việc kiện tụng, dẫn đến mất hết ruộng đất và phải vào tù. Cô Mịch làng Quỳnh Thôn (*Giông tố*) bị hiếp dâm, việc kiện tụng không thành, phải chấp nhận làm lẽ Nghị Hách và bị bỏ rơi. Những người nông dân trong *Vỡ đê* vừa bị thảm cảnh lụt lội, mất ruộng vườn, vừa bị bọn quan lại, lính tráng hành hạ khi đi làm phu phen, tạp dịch.

Bức tranh đời sống nông thôn đi cả vào văn xuôi lãng mạn. Trong các tiểu thuyết Tự lực văn đoàn như *Con đường sáng* (Hoàng Đạo), *Gia đình* (Khái Hưng), nông thôn hiện lên trong con mắt của những nhà cải cách như Duy, Thơ là nơi bùn lầy, nước đọng, với những con người ngàn đời nay chịu đói nghèo, thất học. Tuy nhiên, cái nhìn của các cây bút Tự lực văn đoàn vẫn là cái nhìn của những người bề trên “cúi mình xuống dân chúng”, thiếu đi sự đồng cảm sâu sắc như nhiều nhà văn hiện thực.

Là một cây bút Tự lực văn đoàn nhưng thái độ của Thạch Lam đối với người nông dân lại rất chân thành. Trong lời nói đầu tập *Gió lạnh đầu mùa*, ông viết: “Trước ngọn gió đầu mùa, tôi không khỏi ngăn được những cảm giác sâu xa và mới lạ. Tôi lại nghĩ đến những người nghèo khổ đang làm than trong cái đói suốt cả một đời. Gió heo may sẽ làm cho họ buồn rầu lo sợ vì mùa đông sắp tới, mùa đông giá lạnh và lầy lội phủ trên lưng họ cái màn lạnh lẽ của sương mù. Và lòng tôi se lại khi

nghĩ rằng chỉ một chút âu yếm, một chút tình thương, cũng đủ nâng đỡ những người cùng khốn ấy” [2, tr. 2]. *Nhà mẹ Lê* là câu chuyện thấm thương về gia cảnh của một người mẹ nghèo khổ với mười một đứa con. Đói kém mất mùa, mẹ phải tìm đến cụ Bá để xin bát gạo làm phúc cho bảy con đã nhịn đói suốt ngày. Cụ Bá thả chó ra đuổi, mẹ chết để lại đàn con bơ vơ. Sự phê phán ở đây tuy bề ngoài không mạnh mẽ nhưng nó ẩn chìm, sâu lắng sau các dòng chữ. Tác phẩm còn ca ngợi phẩm chất cao quý, sự đùm bọc lẫn nhau của người nông dân lao động: những người hàng xóm góp tiền mua cỗ ván một rồi đưa mẹ ra bãi tha ma nhỏ đầu làng.

Việc tái hiện những thảm cảnh ở hương thôn của Lưu Trọng Lư không gay gắt, dữ dội như trong văn học hiện thực phê phán, nhưng cũng là những câu chuyện thương tâm. Chị vú em (*Con vú em*) thiếu tiền nộp sưu cho chồng nên phải đứt ruột bỏ lại đứa con chưa đầy năm tháng tuổi để đi làm vú nuôi con người khác vì: “Nếu trong ngày mai không có tiền đóng sưu, thì ông lý sẽ cho mổ vào bắt chồng nộp quan” [3, tr. 77]. Truyện ngắn *Anh Neo* là tình cảnh một gia đình nông dân nghèo, chỉ có ngôi nhà lụp xụp, một mảnh ruộng do tổ tiên để lại và con bò là công cụ để cày thuê. Anh Neo chăm chỉ làm lụng nhưng quanh năm vẫn nghèo vì năm nào cũng nợ tiền sưu, tiền thuế. Có lúc, vợ chồng anh đã phải nghĩ đến việc bán thằng Cu cho ông Bá Ngô, một người giàu có trong làng. Truyện ngắn *Anh Neo* giàu chất hiện thực được đăng trên tờ *Phụ nữ thời đàm tập mới*, Hà Nội, số 15 (24, Décembre 1933) trong lúc phong trào Thơ mới và tiểu

thuyết lãng mạn đang chiếm lĩnh văn đàn. Như vậy, khi viết về cuộc sống làng quê và số phận người nông dân, Lưu Trọng Lư không đi sâu khai thác những cảnh đời bi thảm, sự bần cùng hóa hay hình ảnh của bọn cường hào ác bá với những mâu thuẫn gay gắt ở chốn hương thôn. Ông nhìn thấy nhiều hiện thực đau lòng, nhưng ông muốn một sự dung hòa êm thấm (*Con vú em*). Với cách kể chuyện từ tốn, điềm tĩnh, Lưu Trọng Lư không đẩy câu chuyện lên tới cao trào đầy đau đớn như *Tắt đèn*, *Bước đường cùng*... Nhưng Lưu Trọng Lư cũng không né tránh những thảm cảnh đau thương của hiện thực.

2.3. Đời sống sinh hoạt chốn thị thành

Từ khi thực dân Pháp đặt ách cai trị trên đất nước ta và đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, bộ mặt thị thành đã có nhiều đổi khác, mang tính chất tư sản hóa. Dân số thị thành tăng lên với rất nhiều thành phần, giai cấp khác nhau, với những quan niệm sống, phong cách sống và thị hiếu nghệ thuật khác nhau. Có thể nói độc giả thị thành là thành phần chủ yếu của độc giả văn học thời kỳ đó. Do vậy, không có lý gì sinh hoạt chốn thị thành lại không trở thành một đề tài hấp dẫn của sáng tác văn chương. Hơn nữa, với nó, những tư tưởng mới mẻ có được điều kiện bộc lộ mạnh mẽ và những thử nghiệm nghệ thuật cũng có được mảnh đất thi thố. Nếu cuộc sống ở nông thôn thường được tái hiện với vẻ bình lặng, tàn tạ thì cuộc sống nơi thị thành thường được thể hiện với bầu không khí xô bồ, náo nhiệt, nhố nhăng, nơi sự tha hóa diễn ra như một quy luật có tính phổ biến.

Viết về thành thị trước hết phải kể đến những cây bút hiện thực như

Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Tam Lang... Thế giới thị thành trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan là thế giới của những kẻ dưới đáy: phu xe, kép hát, con sen, thằng quýt... Cái nhìn của nhà văn đối với lớp người này một mặt vừa xót thương, thông cảm, mặt khác lại tô đậm cái xấu xa, nhếch nhác của họ (*Ngựa người và người ngựa*, *Được chuyển khách*, *Cái vốn để sinh nhai*, *Anh xẩm*, *Răng con chó nhà tư sản*, *Hai thằng khôn nạn*, *Giá ai cho cháu một hào*, *Thằng Quýt*...). Những thằng Quýt, con Thanh, thằng bếp, con sen, thằng xe, vú em này có đặc điểm chung là xuất thân trong gia đình nghèo khó, phải ra thành thị để nuôi thân và kiếm ít tiền giúp gia đình. Nhưng để lấy được miếng cơm và đồng tiền của chủ, chúng phải chịu nhiều đắng cay, tủi nhục. Bị xúc phạm, bị đánh chửi là việc thường xuyên đối với bọn chúng.

Vũ Trọng Phụng là nhà văn thành thị xuất sắc của văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945. Bên cạnh một thế giới của bọn tư sản hãnh tiến mới phát lên với đủ tình huống nhố nhăng, bịp bợm trong *Số đỏ*, nhà văn còn thể hiện sinh động của sống của nhiều kiếp người sống chui rúc vào khắp các xó xỉnh tối tăm của đô thị. *Kỹ nghệ lấy Tây* của Vũ Trọng Phụng miêu tả số phận của những người đàn bà An Nam phải bán thân núp dưới danh nghĩa “vợ chồng” và “mối tình” chỉ được định đoạt bằng số tiền mà người đàn ông đưa ra để đánh đổi cho những con dục vọng. *Cơm thầy cơm cô* là số phận của những con sen, đứ ở phục vụ trong các gia đình nhà giàu, bị đọa đày, bị xúc phạm, bị cư xử như những con vật mà giá trị chỉ được tính bằng một vài đồng bạc...

Thành thị trong các tác phẩm Nam Cao gắn với cảnh ngộ của người trí thức nghèo - những nhà văn nghèo, những giáo khổ trường tư, những công chức thất nghiệp. Họ là những người có ước mơ hoài bão. Nhưng cuộc sống cơm áo không cho họ ngẩng đầu lên. Mọi ước mơ đều thui chột. Họ sống trong bi kịch “đời thừa”, “chết mòn”. Nam Cao viết về người trí thức thành thị như là những tự truyện của cuộc đời mình. Những Thứ, Điền, Hộ... là sự khái quát chân dung một lớp trí thức có gốc rễ nông thôn, luôn mang khát vọng tìm đến thành thị để lao động, cống hiến, nhưng cuối cùng “chẳng làm được một cái gì”, “cuộc sống cứ gi ra, mòn ra, mục ra” một cách thảm hại. Ngoài các truyện ngắn, Nam Cao còn viết một cuốn tiểu thuyết về đời sống đô thị: *Truyện người hàng xóm*. Tiểu thuyết này phản ánh cuộc sống bé tắc, cùng đường, tha hóa của một bộ phận dân nghèo thành thị lúc bấy giờ.

Chốn phồn hoa, đô hội cũng là nơi những tệ nạn nhưc nhối như mại dâm, cờ bạc, hút xách tha hồ phát triển... Những cô gái điếm vật vờ sống chui rúc khắp mọi ngõ ngách, xó xỉnh để kiếm sống qua ngày, những gia đình tan nát vì cờ bạc, những số phận bị đẩy đến đường cùng... Đó là những chất liệu làm nên các trang văn bi đát, chua cay của Trọng Lang (với *Hà Nội làm than*), của Tam Lang (với *Đêm sông Hương*), của Vũ Trọng Phụng (với *Lục xì, Cạm bẫy người*), của Nguyễn Đình Lạp (với *Ngoại ô, Ngõ hẻm*)...

Lưu Trọng Lư cũng viết về những con người trong môi trường đô thị. Trong khi tái hiện khá sống động đời sống của giới trí thức, những nam thanh

nữ tú kiêu mới thời bấy giờ, ông không quên phê phán lối sống hưởng lạc và chỉ ra sự hèn yếu của nhân vật. Đời sống văn học nhôn nháo của giới văn nghệ sĩ những năm 30 của thế kỷ XX được thể hiện khá rõ qua *Bạn tôi cưới vợ, 15 truyện ngắn*. Thôi ma mãnh, chèn ép phóng viên của một ông chủ bút và chủ nhiệm một tờ nhật báo được phản ánh trong *15 truyện ngắn*. Thối cơ hội, sự tha hóa của trí thức thành thị được phê phán trong *Cô gái tân thời*. Truyện ngắn *Cái chết hiếu danh* phản ánh lối sống tân thời, đua đòi cùng cách suy nghĩ bông bột của những cô gái thành thị mới lớn. Truyện ngắn này làm ta nhớ đến những truyện ngắn như: *Cô Kêu gái tân thời, Oản... tà... roản...* của Nguyễn Công Hoan. Trong văn xuôi viết về thành thị của Lưu Trọng Lư cũng có những mối tình thơ mộng tuổi học trò. Tiểu thuyết *Có Nhung* tái hiện hình ảnh nhân vật nữ chính mang dáng dấp của một cô gái mới: được học chữ Tây, thích xem chớp bóng, được yêu đương tự do và có mối tình lãng mạn tuổi học trò với Đông. Trong không gian thành phố Huế thơ mộng, những nam thanh nữ tú kiêu mới, đến với tình yêu như những kẻ hoàn toàn tự do, đọc những tác phẩm mới nhất của văn chương Pháp (*Huế một buổi chiều*). Không xoáy sâu vào những kiếp sống đói nghèo, lay lắt như nhân vật của Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Đình Lạp, nhân vật chủ yếu của Lưu Trọng Lư là những nam thanh nữ tú kiêu mới, sống theo lối Âu hóa nhưng hèn yếu, ưa lối sống vật chất hưởng lạc. Nhiều bi kịch đã đến với họ. Về phương diện này, ngòi bút Lưu Trọng Lư có màu sắc hiện thực theo cách riêng của ông.

3. Kết luận

Trong phần viết trên, chúng tôi đã đi qua những đề tài nổi bật của văn xuôi tự sự Việt Nam trước 1945. Nếu Hồ Biểu Chánh muốn khẳng định đạo lý nhà nho và những truyền thống ứng xử tốt đẹp của người nông dân Nam Bộ; Tự lực văn đoàn khai thác sự xung đột gay gắt giữa ý thức cá nhân đang trỗi dậy và khuôn phép đạo đức gia đình Nho giáo truyền thống thì dòng truyện ngắn trữ tình lại rất chú ý tới nguy cơ đổ vỡ của gia đình Việt Nam truyền thống. Viết về thảm cảnh nông thôn qua những bi kịch của người nông dân, Nam Cao luôn nhận ra trong đáy sâu tâm hồn của họ vẫn ẩn giấu niềm khát khao hạnh phúc. Tuy tiểu thuyết Tự lực văn đoàn thiếu đi sự đồng cảm sâu sắc với người

nông dân nhưng thái độ của Thạch Lam đối với họ lại rất chân thành. Thế giới thị thành trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan là thế giới của những kẻ dưới đáy. Vũ Trọng Phụng tái hiện một thế giới của bọn tư sản hãnh tiến nhố nhăng, bịp bợm hoặc cuộc sống của nhiều kiếp người sống chui rúc vào khắp các xó xỉnh tối tăm của đô thị. Tác phẩm Nam Cao gắn với cảnh ngộ của người trí thức nghèo, những công chức thất nghiệp. Qua những đề tài tiêu biểu đó, chúng ta có thể thấy giữa các nhà văn có sự chia sẻ những mối bận tâm nghệ thuật chung. Sự khám phá, tìm tòi thể hiện qua từng trang viết cho thấy nhân sinh quan của các tác giả trước hiện thực đời sống lúc bấy giờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Trọng Lư (2011), *Tác phẩm - truyện ngắn, tiểu thuyết*, tập 2 (Lại Nguyên Ân - Hoàng Minh sưu tầm, biên soạn), Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội
2. Thạch Lam (2018), *Gió lạnh đầu mùa*, Nxb Văn học, Hà Nội
3. Lưu Trọng Lư (2011), *Tác phẩm - truyện ngắn, tiểu thuyết*, tập 1 (Lại Nguyên Ân - Hoàng Minh sưu tầm, biên soạn), Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội

SOME HIGHLIGHT TOPICS OF VIETNAMESE PROSE NARRATIVES FROM EARLY TWENTIETH CENTURY TO 1945

ABSTRACT

From the beginning of the 20th century, Vietnam's literature entered the modernization with fast rhythm. Due to this situation, the current authors had to choose the topics that reflected the realistic life under Europeanization. Based on the practice of Vietnam's prose narrative before 1945, we recognised that the most popular topics that were concerned and selected by many authors include the family conflicts, the tragedy in countryside, urban life style. This reflected the specification of literature progress in general and prose narrative progress in particular. It has to be inherited, internalized and positively modified to modernization of every aspects of literature writing.

Keywords: *Prose narrative, highlight topic, family conflicts, tragedy in countryside, urban life style*

(Received: 20/2/2020, Revised: 16/7/2020, Accepted for publication: 6/8/2020)